

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG PHÁT TRIỂN XÃ HỘI HỌC TẬP: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Nguyễn Thị Bích Ngân¹
Email: ntbngan@blu.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 18/08/2025

Ngày phản biện đánh giá: 8/10/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 23/10/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.803

Tóm tắt: Trong bối cảnh xã hội học tập hiện nay, việc ứng dụng công nghệ số trong phát triển xã hội học tập là vô cùng cấp thiết. Nó tạo cơ hội cho mọi người có thể tiếp nhận việc dạy và học ở bất cứ nơi nào, bất cứ thời gian nào, mở ra một xã hội học tập không giới hạn về thời gian và không gian với nguồn dữ liệu chia sẻ như hiện nay. Bên cạnh các cơ hội thì việc ứng dụng công nghệ trong phát triển xã hội học tập cũng gặp không ít các thách thức như chênh lệch về hạ tầng công nghệ, khả năng tiếp cận của người dạy và người học, đạo đức trong việc sử dụng công nghệ số... Với bài viết này, tác giả mong muốn xây dựng nền tảng về cơ sở lý thuyết về ứng dụng công nghệ số trong phát triển xã hội học tập, nhận diện các cơ hội cũng như thách thức, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ số trong xã hội học tập tại Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: công nghệ số, xã hội học tập, học tập suốt đời, chuyển đổi số, giáo dục

I. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, tri thức không chỉ được xem là tài nguyên quan trọng mà còn là “động lực tăng trưởng mới” của các quốc gia. Sự cạnh tranh toàn cầu ngày càng phụ thuộc vào khả năng sáng tạo, đổi mới và học hỏi liên tục của mỗi cá nhân cũng như toàn xã hội. Vì vậy, nhu cầu học tập suốt đời đã trở thành xu thế, được nhiều tổ chức quốc tế coi là điều kiện tiên quyết để phát triển bền vững. UNESCO

(2015) khẳng định rằng xã hội học tập là mô hình tất yếu nhằm bảo đảm cơ hội tiếp cận tri thức công bằng cho mọi người dân, trong khi OECD (2019) nhấn mạnh đến việc trang bị cho công dân năng lực học tập linh hoạt, thích ứng nhanh với thay đổi của thị trường lao động.

Cùng với sự thay đổi về nhận thức, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số đã làm thay đổi căn bản phương thức tổ chức dạy - học hiện nay. Nếu trước đây việc học tập chủ yếu diễn ra trong không

¹ Trường Đại học Bạc Liêu

gian lớp học truyền thống thì ngày nay, nhờ Internet, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng học trực tuyến, tri thức có thể được chia sẻ ở mọi lúc, mọi nơi. Selwyn (2016) chỉ ra rằng công nghệ số không chỉ là công cụ hỗ trợ, mà còn định hình lại triết lý và thực tiễn giáo dục, mở ra những mô hình đào tạo linh hoạt hơn như học tập kết hợp (blended learning) hay học tập mở (open learning).

Tại Việt Nam, quá trình chuyển đổi số trong giáo dục được Nhà nước định hướng rõ nét qua *Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030* (Chính phủ, 2020). Đây là văn kiện có tính chất chiến lược, nhấn mạnh vai trò của công nghệ số trong đổi mới phương thức dạy học, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thúc đẩy xây dựng xã hội học tập. Việc gắn kết chủ trương phát triển giáo dục với chuyển đổi số cho thấy quyết tâm của Việt Nam trong việc tận dụng sức mạnh công nghệ để mở rộng cơ hội học tập suốt đời, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong kỷ nguyên số.

Trong bối cảnh xã hội học tập trở thành xu thế toàn cầu, công nghệ số vừa mở ra cơ hội thúc đẩy học tập suốt đời, vừa đặt ra nhiều thách thức về chênh lệch hạ tầng công nghệ giữa các khu vực trên cả nước, năng lực số của người dạy - học và quản trị cơ sở dữ liệu. Sự song hành giữa cơ hội và thách thức này cho thấy việc nghiên cứu ứng dụng công nghệ số trong phát triển xã hội học tập là cần thiết, nhằm đề xuất các giải pháp phù hợp cho giáo dục Việt Nam trong kỷ nguyên số hiện nay.

II. Cơ sở lý luận về xã hội học tập và công nghệ số

2.1. Khái niệm xã hội học tập

Khái niệm xã hội học tập được nhấn mạnh trong nhiều nghiên cứu quốc tế,

trong đó UNESCO (2015) định nghĩa đây là một mô hình xã hội nơi mọi cá nhân có cơ hội học tập suốt đời, không bị giới hạn bởi thời gian, không gian hay hình thức. Các đặc trưng cơ bản của xã hội học tập bao gồm: Học tập mở, linh hoạt; học tập gắn kết với đời sống, công việc và cộng đồng; coi tri thức là nguồn lực then chốt cho phát triển xã hội. OECD (2019) bổ sung rằng xã hội học tập đóng vai trò trung tâm trong việc hình thành lực lượng lao động có khả năng thích ứng nhanh với bối cảnh kinh tế tri thức và toàn cầu hóa. Tại Việt Nam, định hướng này được thể hiện trong Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030 (Bộ GD&ĐT, 2021), khẳng định học tập suốt đời là động lực để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển bền vững. Như vậy, xã hội học tập vừa là mục tiêu, vừa là nền tảng cho sự phát triển của một quốc gia trong kỷ nguyên số.

2.2. Khái niệm công nghệ số trong giáo dục

Công nghệ số trong giáo dục được hiểu là việc ứng dụng các công cụ, nền tảng và hệ thống dựa trên dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI) và kết nối mạng Internet nhằm hỗ trợ, mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động dạy - học. Theo Selwyn (2016), công nghệ số không chỉ đơn thuần thay thế phương pháp giảng dạy truyền thống, mà còn góp phần tái cấu trúc cách thức tổ chức học tập và quản lý giáo dục. Những thành phần cốt lõi bao gồm: Hệ thống quản lý học tập (LMS), lớp học trực tuyến, học liệu mở (OER), phân tích học tập dựa trên dữ liệu lớn (Learning Analytics), cùng các công nghệ thực tế ảo và tăng cường (VR/AR). Anderson & Dron (2011) cho thấy ứng dụng công nghệ số cho phép phát triển mô hình học tập cá nhân hóa, linh hoạt và giàu tính

tương tác, đồng thời khuyến khích năng lực tự học. Tại Việt Nam, Chương trình chuyển đổi số quốc gia (Chính phủ, 2020) xác định giáo dục số là một trong những trụ cột quan trọng nhằm phát triển xã hội học tập và hệ sinh thái tri thức mở.

2.3. Mối quan hệ giữa công nghệ số và sự hình thành xã hội học tập

Công nghệ số và xã hội học tập có mối quan hệ hữu cơ, trong đó công nghệ số đóng vai trò là động lực thúc đẩy và chất xúc tác hiện thực hóa mục tiêu của xã hội học tập. UNESCO (2015) khẳng định học tập suốt đời cần được triển khai “mọi lúc, mọi nơi và bằng nhiều hình thức”, và công nghệ số chính là hạ tầng để hiện thực hóa điều này. Các nền tảng trực tuyến, học liệu mở (OER) hay phân tích học tập (Learning Analytics) không chỉ mở rộng khả năng tiếp cận tri thức mà còn cá nhân hóa trải nghiệm giáo dục, tạo điều kiện cho một xã hội học tập dân chủ, linh hoạt hơn (Selwyn, 2016). Anderson & Dron (2011) bổ sung rằng sự phát triển của các mô hình học tập trực tuyến dựa trên công nghệ số đã góp phần thúc đẩy xu hướng học tập cộng tác và học tập mở - những đặc trưng cốt lõi của xã hội học tập. Ở Việt Nam, Đề án xây dựng xã hội học tập (Bộ GD&ĐT, 2021) và Chương trình chuyển đổi số quốc gia (Chính phủ, 2020) đều xác định rõ rằng ứng dụng công nghệ số là điều kiện tiên quyết để mở rộng cơ hội học tập, đặc biệt ở vùng khó khăn. Như vậy, công nghệ số không chỉ là phương tiện mà còn là nhân tố định hình, hỗ trợ trực tiếp sự hình thành và phát triển xã hội học tập trong bối cảnh toàn cầu hóa và số hóa như hiện nay.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện dựa trên phương pháp định tính, kết hợp phân tích - tổng hợp tài liệu thứ cấp. Trước

hết, tác giả tiến hành thu thập và rà soát các công trình nghiên cứu khoa học, báo cáo của các tổ chức quốc tế (UNESCO, OECD, World Bank), cũng như các văn kiện chính sách quốc gia liên quan đến xây dựng xã hội học tập và chuyển đổi số trong giáo dục tại Việt Nam. Tiếp theo, tác giả nghiên cứu các khái niệm, mô hình và cơ sở lý thuyết để làm rõ cơ sở khoa học cho mối quan hệ giữa công nghệ số và xã hội học tập. Phương pháp phân tích nội dung được sử dụng nhằm nhận diện những cơ hội và thách thức nổi bật khi ứng dụng công nghệ số vào phát triển xã hội học tập. Cuối cùng, nghiên cứu tổng hợp và khái quát hóa các kết quả đưa ra các giải pháp phát huy lợi thế sẵn có, và khắc phục những hạn chế còn tồn tại hiện nay.

IV. Kết quả và giải pháp

4.1. Thực tiễn ứng dụng công nghệ số trong phát triển xã hội học tập

Trong thực tiễn, công nghệ số đã và đang tạo ra những biến đổi sâu sắc trong hoạt động dạy - học cũng như quản lý giáo dục. Ở góc độ giảng dạy, các nền tảng trực tuyến như Zoom, Google Classroom hay Moodle đã mở rộng khả năng tổ chức lớp học trực tuyến, đồng thời tạo điều kiện để người dạy áp dụng các mô hình sư phạm hiện đại như lớp học kết hợp (blended learning) và lớp học đảo ngược (flipped classroom) (Means et al., 2013). Điều này không chỉ gia tăng tính linh hoạt trong quá trình giảng dạy mà còn thúc đẩy sự tương tác hai chiều giữa người dạy và người học.

Đối với người học, công nghệ số mang lại cơ hội tiếp cận tri thức rộng mở thông qua các khóa học trực tuyến ở quy mô lớn (MOOCs) như Coursera, edX hay Udemy. Các hệ thống học liệu số hóa và công cụ học tập trực tuyến cho phép cá nhân hóa quá trình học, giúp người học

chủ động lựa chọn nội dung và tốc độ phù hợp với nhu cầu và năng lực của mình (Yuan & Powell, 2013).

Trong lĩnh vực quản lý giáo dục, các hệ thống quản lý học tập (LMS) đã trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc theo dõi tiến trình học tập, đánh giá kết quả và khai thác dữ liệu phục vụ cải tiến chất lượng đào tạo (OECD, 2019). Việc ứng dụng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo còn mở ra khả năng dự báo, phân tích hành vi học tập, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục trong thời đại số.

Tại Việt Nam, quá trình ứng dụng công nghệ số trong giáo dục trở nên rõ nét nhất trong giai đoạn dịch COVID-19 (2020 - 2021), khi hơn 80% các cơ sở giáo dục đại học buộc phải chuyển đổi sang hình thức dạy học trực tuyến (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021). Sau giai đoạn này, chuyển đổi số tiếp tục được thúc đẩy mạnh mẽ, đặc biệt với sự ra đời của Khung năng lực số quốc gia cho học sinh, được thiết kế theo lộ trình xuyên suốt từ bậc mầm non đến đại học và áp dụng từ năm 2025. Cùng với đó, các khâu trong tổ chức thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) và tuyển sinh đại học đã được số hóa toàn diện, góp phần gia tăng tính hiệu quả, minh bạch và công bằng trong giáo dục.

Đến năm 2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo chính thức ban hành Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT, quy định Khung năng lực số cho người học, có hiệu lực từ ngày 11/3/2025. Song song với đó, trong kỳ thi tốt nghiệp THPT 2025, việc đăng ký dự thi được triển khai hoàn toàn trực tuyến đối với học sinh lớp 12. Sự thay đổi này không chỉ góp phần giảm thiểu sai sót hành chính, mà còn nâng cao độ chính xác, minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi hơn so với phương thức đăng ký truyền thống.

Có thể thấy, thực tiễn ứng dụng công nghệ số trong giáo dục đã tạo ra những thay đổi mang tính bước ngoặt, từ giảng dạy, học tập cho đến quản lý. Ở Việt Nam hiện nay, mặc dù quá trình chuyển đổi còn đối diện với nhiều khó khăn, đặc biệt về cơ sở hạ tầng còn chưa đồng bộ về năng lực số, nhưng những kết quả đạt được trong giai đoạn dịch COVID-19 cho thấy tiềm năng to lớn của công nghệ số trong việc thúc đẩy hình thành xã hội học tập. Điều này đặt ra yêu cầu tiếp tục nghiên cứu và triển khai các giải pháp phù hợp, nhằm phát huy cơ hội và khắc phục thách thức trong quá trình phát triển giáo dục số.

4.2. Cơ hội ứng dụng công nghệ số trong phát triển xã hội học tập

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số đang mở ra những triển vọng quan trọng cho đổi mới giáo dục, từ giảng dạy, học tập cho đến quản lý. Trước hết, công nghệ số tạo điều kiện mở rộng khả năng tiếp cận tri thức. Nhờ sự hỗ trợ của các nền tảng học tập trực tuyến và hệ thống tài nguyên giáo dục mở, người học ở nhiều trình độ và địa bàn khác nhau có thể tiếp cận các khóa học chất lượng, vốn trước đây bị giới hạn bởi không gian và điều kiện kinh tế - xã hội. Điều này góp phần thu hẹp bất bình đẳng trong cơ hội học tập và hướng đến mục tiêu giáo dục cho mọi người (UNESCO, 2022).

Bên cạnh đó, công nghệ số mở ra khả năng cá nhân hóa quá trình học tập. Các công cụ học liệu số kết hợp phân tích dữ liệu học tập giúp người học điều chỉnh nội dung, phương pháp và tiến độ theo nhu cầu, năng lực cá nhân. Điều này không chỉ nâng cao hiệu quả tiếp thu mà còn khuyến khích tính tự chủ và duy trì động lực học tập lâu dài (Zhao, 2021).

Ở góc độ học tập suốt đời, công nghệ số góp phần hình thành văn hóa học

tập liên tục trong xã hội. Với sự phát triển của các khóa học trực tuyến quy mô lớn (MOOCs) và các chương trình đào tạo từ xa, cá nhân có thể thường xuyên cập nhật kiến thức, kỹ năng mới, từ đó nâng cao năng lực thích ứng trước những biến động nhanh chóng của thị trường lao động (OECD, 2019).

Trên bình diện vĩ mô, việc ứng dụng công nghệ số trong giáo dục mở ra cơ hội xây dựng một hệ sinh thái học tập mở, linh hoạt và kết nối. Các nguồn tài nguyên học tập mở cùng các nền tảng trực tuyến không chỉ tăng cường liên kết giữa giảng viên và người học, mà còn thúc đẩy sự hợp tác và chia sẻ tri thức trong cộng đồng. Đây là nền tảng quan trọng để phát triển xã hội học tập hiện đại, công bằng và bền vững (Nguyễn Thị Ngọc Anh, 2022).

4.3. Thách thức ứng dụng công nghệ số trong phát triển xã hội học tập

Song song với những cơ hội nêu trên, việc triển khai công nghệ số trong giáo dục cũng đặt ra nhiều thách thức cần được giải quyết.

Thứ nhất, khoảng cách số vẫn là một rào cản lớn, đặc biệt ở các quốc gia đang phát triển. Sự chênh lệch trong khả năng tiếp cận hạ tầng công nghệ, thiết bị và dịch vụ Internet khiến một bộ phận người học bị hạn chế trong tham gia các hoạt động giáo dục số, từ đó làm gia tăng bất bình đẳng trong cơ hội học tập (UNESCO, 2022).

Thứ hai, vấn đề hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ cũng ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai. Nhiều cơ sở giáo dục chưa có hệ thống máy tính, đường truyền Internet hay phần mềm quản lý học tập đáp ứng nhu cầu thực tiễn, dẫn đến tình trạng ứng dụng còn rời rạc, thiếu bền vững (Đỗ Minh Cương et al., 2021).

Một khó khăn khác xuất phát từ hạn chế về năng lực số của giáo viên và người học. Trong thực tiễn, nhiều giáo viên chưa thành thạo trong việc thiết kế bài giảng số, quản lý lớp học trực tuyến hay khai thác dữ liệu học tập để hỗ trợ cá nhân hóa cho người học. Đồng thời, một bộ phận học sinh, sinh viên thiếu kỹ năng học tập trực tuyến hiệu quả, làm giảm chất lượng trải nghiệm và kết quả học tập (Nguyễn Thị Ngọc Anh, 2022).

Cuối cùng, những vấn đề liên quan đến an ninh và đạo đức số ngày càng được chú ý. Việc phụ thuộc vào môi trường trực tuyến tiềm ẩn nguy cơ rò rỉ dữ liệu cá nhân, xâm phạm quyền riêng tư cũng như sự lan truyền thông tin sai lệch. Hơn nữa, các hành vi thiếu chuẩn mực trên không gian mạng đặt ra yêu cầu về việc hình thành văn hóa số an toàn, minh bạch và có trách nhiệm trong giáo dục (Selwyn, 2016).

Tóm lại, để tối đa hóa lợi ích mà công nghệ số mang lại, giáo dục cần đồng thời có các chính sách và giải pháp toàn diện nhằm thu hẹp khoảng cách số, nâng cao năng lực số của người dạy - người học, đồng thời đảm bảo an ninh và đạo đức số. Đây là điều kiện then chốt để xây dựng xã hội học tập bền vững trong kỷ nguyên số.

4.4. Giải pháp ứng dụng công nghệ số trong phát triển xã hội học tập

Từ những cơ hội và thách thức đã phân tích, có thể thấy rằng việc ứng dụng công nghệ số vào giáo dục và phát triển xã hội học tập cần một hệ thống giải pháp đồng bộ, vừa phát huy lợi thế sẵn có, vừa khắc phục những hạn chế đang tồn tại hiện nay.

Thứ nhất, thu hẹp khoảng cách số và nâng cao khả năng tiếp cận công nghệ. Nhà nước và các cơ sở giáo dục cần ưu tiên đầu tư hạ tầng công nghệ, đặc biệt

ở vùng sâu, vùng xa, nhằm đảm bảo cơ hội học tập bình đẳng cho mọi nhóm đối tượng. Song song với đó, cần thúc đẩy các chương trình hỗ trợ thiết bị và kết nối Internet, góp phần giảm thiểu bất bình đẳng trong tiếp cận công nghệ.

Thứ hai, hiện đại hóa và đồng bộ hạ tầng giáo dục số. Việc xây dựng các hệ thống quản lý học tập (LMS), thư viện số, nền tảng học tập mở và cơ sở dữ liệu giáo dục quốc gia cần được triển khai thống nhất, bảo đảm tính liên thông giữa các cấp học và các cơ sở đào tạo. Điều này không chỉ tăng hiệu quả vận hành mà còn tạo tiền đề cho sự hình thành hệ sinh thái học tập mở và linh hoạt.

Thứ ba, phát triển năng lực số cho người dạy và người học. Đây là yếu tố then chốt quyết định chất lượng ứng dụng công nghệ số vào việc phát triển xã hội học tập. Người dạy cần được đào tạo bài bản về kỹ năng thiết kế bài giảng số, quản lý lớp học trực tuyến, khai thác dữ liệu học tập và sử dụng các công cụ hỗ trợ giảng dạy hiện đại. Đồng thời, người học cũng cần được trang bị kỹ năng tự học trực tuyến, quản lý thời gian và khai thác nguồn tài nguyên số một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Thứ tư, xây dựng và củng cố văn hóa số an toàn và có trách nhiệm. Cùng với việc ứng dụng công nghệ, giáo dục phải đồng thời chú trọng đến việc giáo dục đạo đức số, ý thức bảo mật thông tin và khả năng nhận diện thông tin sai lệch. Điều này giúp tạo dựng một môi trường học tập trực tuyến an toàn, minh bạch, đồng thời nâng cao trách nhiệm xã hội của người dạy và người học trong không gian số.

Thứ năm, thúc đẩy hợp tác và chia sẻ trong cộng đồng học tập số. Việc khuyến khích phát triển các kho học liệu mở, tăng cường hợp tác giữa nhà trường, doanh

nh nghiệp và tổ chức xã hội sẽ tạo động lực lan tỏa tri thức, đồng thời nâng cao tính gắn kết và bền vững của xã hội học tập.

Tóm lại, giải pháp ứng dụng công nghệ số trong phát triển xã hội học tập không chỉ dừng lại ở khía cạnh kỹ thuật, mà còn đòi hỏi sự thay đổi toàn diện về hạ tầng, chính sách, năng lực con người và văn hóa số. Chỉ khi đồng bộ các yếu tố này, giáo dục mới có thể khai thác tối đa cơ hội và vượt qua thách thức để hướng tới một xã hội học tập công bằng, hiện đại và bền vững trong kỷ nguyên số.

V. Kết luận

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, việc ứng dụng công nghệ số vào giáo dục không còn là lựa chọn, mà là yêu cầu tất yếu để xây dựng xã hội học tập. Thực tiễn ở Việt Nam cho thấy, dù còn nhiều hạn chế về hạ tầng và năng lực số, những bước đi như giảng dạy trực tuyến trong giai đoạn dịch COVID-19, ban hành Khung năng lực số quốc gia hay số hóa quy trình thi cử đã chứng minh sự chuyển đổi này đang diễn ra mạnh mẽ. Công nghệ số tạo ra nhiều cơ hội quan trọng, từ việc mở rộng khả năng tiếp cận tri thức, cá nhân hóa quá trình học, đến hình thành văn hóa học tập suốt đời. Song song với đó, các vấn đề như chênh lệch hạ tầng, năng lực số của người dạy - người học và an ninh dữ liệu cũng đặt ra những thách thức không nhỏ. Vì vậy, để phát triển xã hội học tập trong kỷ nguyên số, giáo dục Việt Nam cần những giải pháp đồng bộ hơn, kết hợp giữa đầu tư hạ tầng, nâng cao năng lực số, xây dựng văn hóa số an toàn và thúc đẩy hợp tác trong cộng đồng. Như vậy, công nghệ số mới thực sự trở thành động lực giúp giáo dục đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Anderson, T., & Dron, J. (2011). Three generations of distance education pedagogy. *International Review of Research in Open and Distributed Learning*, 12(3), 80-97. <https://doi.org/10.19173/irrodl.v12i3.890>
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030*. <https://moet.gov.vn/van-ban>
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). *Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ban hành Khung năng lực số cho người học*. <https://moet.gov.vn/van-ban>
- [4]. Chính phủ. (2020). *Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. <https://chinhphu.vn/chuong-trinh-chuyen-doi-so>
- [5]. Đỗ, M. C., Trần, V. B., & Nguyễn, T. H. (2021). Ứng dụng công nghệ số trong giáo dục: Cơ hội và thách thức. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 17(2), 45-56.
- [6]. Means, B., Toyama, Y., Murphy, R., Bakia, M., & Jones, K. (2013). *Evaluation of evidence-based practices in online learning: A meta-analysis and review of online learning studies*. U.S. Department of Education, Office of Planning, Evaluation, and Policy Development. <https://www2.ed.gov/rschstat/eval/tech/evidence-based-practices/finalreport.pdf>
- [7]. Nguyễn, T. N. A. (2022). Xây dựng xã hội học tập trong bối cảnh chuyển đổi số. *Tạp chí Giáo dục*, 503(2), 12-17.
- [8]. OECD. (2019). *OECD skills outlook 2019: Thriving in a digital world*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/df80bc12-en>
- [9]. Selwyn, N. (2016). *Education and technology: Key issues and debates* (2nd ed.). Bloomsbury Publishing.
- [10]. UNESCO. (2015). *Rethinking education: Towards a global common good?* UNESCO Publishing. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000232555>
- [11]. UNESCO. (2022). *Technology in education: A tool on whose terms?* UNESCO. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000381232>
- [12]. World Bank. (2021). *Realizing the future of learning: From learning poverty to learning for everyone, everywhere*. World Bank. <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/35624>
- [13]. Yuan, L., & Powell, S. (2013). *MOOCs and open education: Implications for higher education* (Cetis White Paper). University of Bolton. <https://publications.cetis.org.uk/2013/667>

APPLICATION OF DIGITAL TECHNOLOGY IN DEVELOPING A LEARNING SOCIETY: OPPORTUNITIES AND CHALLENGES

Nguyen Thi Bich Ngan²

Abstract: *In the context of globalization and the digital era, the learning society has become an imperative to meet the demands of the knowledge economy and lifelong learning. Digital technologies-through diverse platforms, tools, and applications-are catalyzing profound transformations in teaching, learning, and educational governance. This paper synthesizes the theoretical foundations of the learning society and digital technology, reviews the practical applications of digital technologies in education, and identifies the opportunities and challenges in advancing a learning society in Vietnam. It concludes by proposing actionable solutions to harness the potential of digital technologies for building a modern learning society.*

Keywords: *digital technologies, learning society, lifelong learning, digital transformation, education*

² Bac Lieu University